

Bản án số: 74/2021/HS-ST

Ngày: 24/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hưng**

Ông **Đoàn Ngọc Đăng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2021/TLHS- 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021; Các thông báo v/v hoãn phiên tòa số 49/TB-TA ngày 29/7/2021; Thông báo v/v hoãn phiên tòa số 66/TB-TA ngày 13/8/2021; Thông báo v/v hoãn phiên tòa số 90/TB-TA ngày 6/9/2021; đối với các bị cáo:

1. Chế Quang H, sinh ngày 17/8/1995 tại Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Trị; Chỗ ở trước khi bị bắt: Số 22 đường T 2, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Chế Quang H (s) và bà Trần Thị Thanh H (s); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10.9.2020; Tạm giam từ ngày 19/9/2020. Có mặt.

2. Nguyễn Đức T, sinh ngày 13.01.1998 tại Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT: Xóm 9, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở trước khi bị bắt: Số 22 đường T 2, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đức T (s) và bà Trần Thị T (s). Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất. Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10.9.2020; Tạm giam từ ngày 19/9/2020. Có mặt.

***Người bào chữa cho bị cáo Chế Quang H:** Ông **Nguyễn Minh K** - Luật sư công ty Luật TNHH MTV M thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

***Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T:** Ông **Võ Đình Đ** - Luật sư công ty Luật TNHH MTV D thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Hoàng Ngọc Đ, sinh ngày 15/03/2003; Trú tại: Số 17, đường N, khu phố 1, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

2. Anh Trần Đức T, sinh năm 1995; Trú tại: D, B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Anh Trần Đình Đ, sinh năm 1959; Trú tại: Số 147 đường Q, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

***Người làm chứng:**

1. Ông Bùi Văn M, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ 84, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Anh Đặng Huy H, sinh năm 1995; Trú tại: Phường L, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20h20 ngày 10.9.2020, tại khu vực trước khách sạn P (số 199 đường T, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng). Tổ tuần tra kiểm soát, phòng Cảnh sát cơ động - Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đức T đang có hành vi điều khiển xe mô tô BKS: 43D1-533.93 chở Chế Quang H mang theo 01

ống nhựa dài khoảng 10cm đường kính 0,5cm, bên trong có chứa 10 viên nén màu đỏ có khắc chữ WY nhằm mục đích đi bán cho người khác.

Tang vật tạm giữ:

- 01 ống nhựa màu trắng có đường kẻ màu hồng dài khoảng 10cm, có đường kính rộng 0,5cm, bên trong chứa 10 viên nén màu đỏ hình tròn, đường kính rộng khoảng 0,4cm, trên viên nén có khắc chữ WY. (Ký hiệu A).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ có số Imei 1: 353068108571761, Imei 2: 353068108508946 của Chế Quang H.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen nhạt, sim số: 0799354628, 0896516546 của Chế Quang H.

- 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 1.070.000đ của Chế Quang H.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng bị vỡ màn hình, sim số: 0915152897, số Imei: 354914092737570 của Nguyễn Đức T.

- 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 875.000đ của Nguyễn Đức T.

- 01 xe mô tô BKS: 43D1-533.93.

- 01 đồng hồ hiệu Iwatch của Chế Quang H.

Vào lúc 01h00 ngày 11.9.2020, T hành khám xét nơi ở của Chế Quang H tại số 22 đường T 2, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Tang vật thu giữ:

- Trong bao gạo đặt trong thùng xộp dưới bếp nấu ăn của phòng trọ:

+ 01 gói ny long màu xanh KT (9x6,5) cm bên trong chứa 150 viên nén màu đỏ. (Ký hiệu T1)

+ 01 gói ny long màu xanh KT (9x6,5) cm bên trong chứa 190 viên nén màu đỏ. (Ký hiệu T1)

+ 01 gói giấy bên trong chứa 04 viên nén màu xanh. (Ký hiệu T2)

- Trong túi quần đùi dưới kệ bếp của phòng trọ: 01 gói ny long màu trắng KT (3x3,5) cm bên trong có chứa 01 viên nén màu xanh. (Ký hiệu T3)

- 30 ống nhựa màu trắng có vạch kẻ.

- 15 bao ny long chưa qua sử dụng KT (4x7) cm.

Qua điều tra xác định được:

Ngày 01.9.2020, Chế Quang H nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại kiếm lời, H nói ý định của mình cho Nguyễn Đức T - bạn ở cùng phòng trọ với H trên đường kiệt T, thành phố Đà Nẵng biết. Do khu vực H và T ở có nhiều người và chủ phòng trọ hay ngồi ở hẻm, H sợ bị phát hiện nên H rủ T đi tìm phòng trọ khác, T đồng ý. T và H đến thuê phòng trọ tại số 22 đường T2, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Thông qua đối tượng tên H (không rõ lai lịch), H liên lạc với một đối tượng (không rõ lai lịch) mua 02 bịch ma túy hồng phiến (số lượng từ 190-195 viên/bịch), hai bên thỏa thuận giá 10.000.000đ, chuyển tiền đặt cọc trước vào tài khoản số 8141 mở tại ngân hàng TMCP Việt Nam V với tên chủ tài khoản là Hoàng Ngọc Đ và giao ma túy tại thành phố H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 06.9.2020, H đồng ý. Ngày 03.9.2020, H đã dùng tài khoản số 54010000515023 mở tại ngân hàng BIDV của H chuyển số tiền 3.000.000đ vào số tài khoản trên. Ngày 06.9.2020, H bắt xe tải đi từ thành phố Đà Nẵng ra thành phố H, tỉnh Quảng Trị và liên hệ với đối tượng bán ma túy, hai bên thống nhất giao ma túy tại công viên D, thành phố H, tỉnh Quảng Trị, H chuyển thêm số tiền 5.500.000đ còn lại 1.500.000đ nợ trả sau. H sử dụng tài khoản của mình chuyển vào tài khoản trên số tiền 5.500.000đ rồi đi đến cột điện tại công viên D, thành phố H, tỉnh Quảng Trị lấy 02 bịch ma túy rồi bắt xe khách về Đà Nẵng.

Ngày 09.9.2020, đối tượng bán ma túy cho H liên lạc nói chưa nhận được tiền yêu cầu H chuyển lại, H đồng ý và đã chuyển lại số tiền trên. Chiều tối cùng ngày, tại phòng trọ ở số 22 đường T 2, thành phố Đà Nẵng, H mang 02 bịch ma túy ra phân chia và cho vào ống hút để mang đi bán cho người khác. Thấy vậy, T có hỏi và biết được H mua số ma túy hồng phiến với giá 10.000.000đ, T lấy ống hút vuốt cho đẹp lại để H bỏ ma túy hồng phiến vào trong ống hút. Sau đó, H lấy một ít ma túy đi bán, số ma túy còn lại H cất giấu trong bao gạo đặt trong thùng xốp dưới bếp nấu ăn của phòng trọ đã bị thu giữ khi khám xét.

Từ ngày 09.9.2020 đến ngày 10.9.2020, T đã nhiều lần sử dụng xe mô tô BKS: 43D1-533.93 chở H đi bán ma túy cho nhiều đối tượng (không rõ lai lịch) ở khu vực bến xe thành phố Đà Nẵng và đường X, thành phố Đà Nẵng với số tiền thu lợi bất chính là 1.500.000đ nhưng H và T chỉ nhớ 02 lần. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào tối ngày 9.9.2020, khi T chở H đi ăn cơm tại đường X, thành phố Đà Nẵng thì có một đối tượng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) liên hệ với H hỏi mua 04 viên ma túy hồng phiến, hai bên thỏa thuận giá 200.000đ và hẹn đến khu vực quán cơm gần sân vận động để giao dịch. T chở H đến địa điểm giao dịch rồi dùng

xe lại, H đi bộ về hướng ngược xe chạy khoảng 30m gặp người này giao ma túy và nhận 200.000đ.

Lần 2: Vào tối ngày 10.9.2020, T chở H đi đến đường L, thành phố Đà Nẵng mua đồng hồ, khi đi H mang theo 10 viên ma túy hồng phiến. Sau khi mua đồng hồ xong, H cho T 500.000đ, T chở H về lại phòng trọ, khi đi đến khu vực ngã ba H, thành phố Đà Nẵng, có một đối tượng (*không rõ lai lịch*) liên hệ với H hỏi 02 viên ma túy hồng phiến, hai bên thỏa thuận giá 100.000đ và hẹn đến khu vực bên xe Đà Nẵng để giao dịch. T chở H đến trước khách sạn P (199 đường T, thành phố Đà Nẵng) rồi dừng lại thì bị Tổ tuần tra kiểm soát, phòng Cảnh sát cơ động - Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, Chế Quang H còn khai nhận: vào khoảng ngày 01.9.2020 tại karaoke Thảo Vân, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, H được một đối tượng (*không rõ lai lịch*) cho 01 viên ma túy thuốc lắc, H mang về cất giấu trong túi quần đùi để dưới kệ bếp của phòng trọ nhằm mục đích bán cho người khác nhưng chưa kịp bán thì bị thu giữ khi khám xét.

Tại Kết luận giám định số: 280/GĐ-MT ngày 18.9.2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng. Kết luận:

- Mẫu viên nén trong gói niêm phong ký hiệu A, T1, T2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu A: 1,004 gam; T1: 33,876 gam; T2: 0,436 gam.

- Mẫu viên nén màu xanh trong gói niêm phong ký hiệu T3 gửi giám định là ma túy loại MDMA, khối lượng mẫu T3: 0,341 gam.

Tại Kết luận giám định số: 35/GĐ-TL ngày 02.4.2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng. Kết luận:

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký và chữ viết mang tên Hoàng Ngọc Đ trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết của Hoàng Ngọc Đ trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M10 có phải cùng một người ký và viết ra hay không.

Bản cáo trạng số 57/CT-VKS-P1 ngày 12/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Chế Quang H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 BLHS và Nguyễn Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo Chế Quang H

và Nguyễn Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Chế Quang H** mức án từ 15 năm 06 tháng tù đến 16 năm tù.

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** mức án từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù .

***Về xử lý vật chứng:** Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46; Điều 47 BLHS xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Mẫu vật hoàn trả sau Kết luận giám định số 280/GĐ-MT ngày 18/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và toàn bộ vỏ bao gói.

+ 30 ống nhựa màu trắng có vạch kẻ;

+ 15 bao ny long chưa qua sử dụng kích thước (4x7) cm.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ có số Imei 1: 353068108571761, Imei 2: 353068108508946 của Chế Quang H;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen sim 1: 0799354628; sim 2: 0896516546 của Chế Quang H;

+ Số tiền 1.500.000đ (Chế Quang H: 1.000.000đ; Nguyễn Đức T: 500.000đ).

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ Số tiền 445.000đ (Chế Quang H: 70.000đ, Nguyễn Đức T: 375.000đ)

+ 01 đồng hồ hiệu Iwatch của Chế Quang H.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng bị vỡ màn hình, sim số: 0915152897, số Imei: 354914092737570 của Nguyễn Đức T.

- Trả lại:

+ 01 ví da màu đen cho Chế Quang H;

+ 01 ví da màu đen cho Nguyễn Đức T.

Đối với xemô tô BKS 43D1-533.93, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã trả lại cho Trần Đức Triều - chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Quan điểm của Luật sư Nguyễn Minh K bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo Chế Quang H thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo cũng như thống nhất về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng một mức án thấp hơn mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư Võ Đình Đ bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức T thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo cũng như thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Ngoài ra, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i và điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Luật sư đề nghị cho bị cáo một mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng xin được hưởng một mức án nhẹ để có cơ hội trở về với gia đình, hòa nhập với xã hội, học tập, lao động để trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Chế Quang H và Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là vào khoảng 20 giờ 40 phút ngày 10/9/2020 tại trước khách sạn P số 199 T, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng, tổ tuần tra kiểm soát, phòng Cảnh sát cơ động-Công an thành

phố Đà Nẵng phát hiện và tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đức T đang có hành vi điều khiển xe mô tô BKS 43D1-533.93 chở Chế Quang H mang theo khối lượng **1,004gam Methamphetamine** nhằm mục đích đi bán cho người khác.

Vào lúc 01h00 ngày 11.9.2020, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Chế Quang H, Nguyễn Đức T tại số 22 đường Quang Thành 2, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, đã thu giữ khối lượng ma túy loại **Methamphetamine** là **34,312gam**. Ngoài ra còn thu giữ của Chế Quang H **0,341gam** ma túy loại MDMA. Số lượng ma túy này các bị cáo cũng thừa nhận cất giữ để đem bán.

Như vậy, tổng trọng lượng ma túy mà Chế Quang H phải chịu trách nhiệm hình sự là **35,657gam** trong đó có **35,316gam** loại Methamphetamine và **0,341gam** loại MDMA.

Tổng trọng lượng ma túy mà Nguyễn Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự là **35,316 gam** ma túyloại Methamphetamine.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Chế Quang H đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự ; Bị cáo Nguyễn Đức T đã phạm tội"Mua bán trái phép chất ma túy"theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy, đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính tổ chức giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ với nhau.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về ma túy, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện và thực hiện nhiều lần. Do đó các bị cáo phải chịu sự trừng phạt nghiêm khắc của pháp luật.

Đối với Chế Quang H là người chủ mưu, trực tiếp tìm nguồn ma túy được bán rồi đi mua về, cùng với bị cáo Nguyễn Đức T chia ra các gói nhỏ để bán cho người khác. Vì vậy, bị cáo phải chịu một mức án cao hơn so với T.

Đối với Nguyễn Đức T, là đồng phạm giúp sức tích cực trong việc phân chia, chở H đi giao ma túy theoyêu cầu của H. Vì vậy, bị cáo cũng phải chịu một mức án tương xứng với hành vi này.

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên là cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo được học tập cải tạo trở thành công dân tốt. Mức án mà Kiểm sát viên đề nghị với mỗi bị cáo là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã tự khai báo ra những lần phạm tội trước đó khi chưa bị phát hiện; Thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng;

Bị cáo H có bà cố nội là Trương Thị T là bà mẹ Việt nam anh hùng, có ông nội là Chế Quang Đ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, ngoài ra còn nhiều ông bà khác trong gia đình có tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Bản thân bị cáo H cũng đã hoàn thành nghĩa vụ, tham gia lực lượng công an nhân dân, được xuất ngũ về địa phương.

Bị cáo T có ông nội là Nguyễn Văn Q và ông bà ngoại là ông Trần Viết T và bà Phan Thị N đều tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trên đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét cho các bị cáo khi lượng hình nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của các luật sư Nguyễn Minh K, Võ Đình Đ thì thấy, mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị đối với các bị cáo là đúng với tính chất vụ án. Việc các Luật sư đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn là không có căn cứ, không đủ sức để răn đe nên HĐXX không chấp nhận.

Luật sư Võ Đình Đ đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, t khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T là không có cơ sở vì bị cáo tuy lần đầu tiên bị xử lý hình sự nhưng bị cáo lại phạm tội 02 lần trở lên, phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng với mức hình phạt quy định tại khung hình phạt cao nhất đến 20 năm tù; Khi bị bắt giữ thì bị cáo tự khai báo ra những lần phạm tội trước đó khi chưa bị phát hiện nên HĐXX đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS, chứ không phải bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan công an trong việc phát hiện tội phạm, do đó HĐXX không chấp nhận đề nghị này của luật sư được.

[7] Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 BLHS phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo để thể hiện tính răn đe của pháp luật.

[8] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX xử lý như sau:

*Tịch thu tiêu hủy đối với những vật chứng không còn giá trị sử dụng:

- Mẫu vật hoàn trả sau Kết luận giám định số 280/GĐ-MT ngày 18/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và toàn bộ vỏ bao gói.

- 30 ống nhựa màu trắng có vạch kẻ;

- 15 bao ny long chưa qua sử dụng kích thước (4x7) cm.

*Tịch thu sung công quỹ đối với những vật chứng các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ có số Imei 1: 353068108571761, Imei 2: 353068108508946 của Chế Quang H;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen nhạt, sim số có mã số 8401-2002-3310-9537 và mã số 8401-2002-3310-9536 của Chế Quang H;

- Số tiền 1.500.000đ (trong đó Chế Quang H có 1.000.000đ; Nguyễn Đức T có 500.000đ). Đây là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung công .

*Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- Số tiền 445.000đ (trong đó Chế Quang H có 70.000đ, Nguyễn Đức T có 375.000đ).

- 01 đồng hồ hiệu Iwatch thu giữ của Chế Quang H;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng bị vỡ màn hình số imei: 354914092737570, sim có mã số 898402000 (điện thoại không khởi động được máy nên không kiểm tra số imei) của Nguyễn Đức T

* Trả lại cho chủ sở hữu những vật chứng không liên quan đến việc phạm tội:

- 01 ví da màu đen cho Chế Quang H.

- 01 ví da màu đen cho Nguyễn Đức T.

Toàn bộ vật chứng trên hiện Cục thi hành án Dân sự TP. Đà Nẵng đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2021 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10/6/2021 theo QĐ số 45/QĐ-VKS-P1 ngày 12/5/2021.

[9] Đối với các vấn đề có liên quan khác trong vụ án:

- Đối với đối tượng H và các đối tượng mua bán ma túy với Chế Quang H và Nguyễn Đức T hiện nay chưa rõ nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

- Đối với Hoàng Ngọc Đ thì tại Kết luận giám định số 35/GĐ-TL của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng đã kết luận: “Không đủ cơ sở kết luận chữ ký và chữ viết mang tên Hoàng Ngọc Đ trên tài liệu cần giám định so với chữ ký và chữ viết của Hoàng Ngọc Đ trên các tài liệu mẫu có phải do cùng một người ký và viết ra hay không”. Do đó, chưa đủ cơ sở để xử lý đối với Hoàng Ngọc Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

- Đối với Trần Đức T là chủ sở hữu xe mô tô BKS 43D1-533.93, có cho Nguyễn Đức T mượn xe, tuy nhiên không biết Nguyễn Đức T sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

- Đối với Trần Đình Đ là chủ nhà trọ số 22 T2, thành phố Đà Nẵng có hành vi cho Chế Quang H và Nguyễn Đức T thuê phòng trọ nhưng không biết các bị cáo sử dụng phòng trọ làm nơi cất giấu ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I/ Tuyên bố: Các bị cáo Chế Quang H và Nguyễn Đức T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

II/. Hình phạt:

1. Căn cứ điểm h khoản 3; khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Chế Quang H 15 năm 06 tháng** (mười lăm năm sáu tháng) tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/9/2020.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền: 10.000.000đ.

2. Căn cứ điểm b khoản 3; khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức T 15** (mười lăm) **năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/9/2020.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền: 10.000.000đ.

III/. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. **Tuyên**:

*Tịch thu tiêu hủy:

- Mẫu vật hoàn trả sau Kết luận giám định số 280/GĐ-MT ngày 18/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và toàn bộ vỏ bao gói.

- 30 ống nhựa màu trắng có vạch kẻ;

- 15 bao ny long chưa qua sử dụng kích thước (4x7) cm.

*Tịch thu sung công quỹ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ có số Imei 1: 353068108571761, Imei 2: 353068108508946 của Chế Quang H;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen nhạt, sim số có mã số 8401-2002-3310-9537 và mã số 8401-2002-3310-9536 của Chế Quang H;

- Số tiền 1.500.000đ (trong đó Chế Quang H có 1.000.000đ; Nguyễn Đức T có 500.000đ).

*Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- Số tiền 445.000đ (trong đó Chế Quang H có 70.000đ, Nguyễn Đức T có 375.000đ).

- 01 đồng hồ hiệu Iwatch của Chế Quang H;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng bị vỡ màn hình số imei: 354914092737570, sim có mã số 898402000 (điện thoại không khởi động được máy nên không kiểm tra số imei) của Nguyễn Đức T

* Trả lại cho chủ sở hữu những vật chứng không liên quan đến việc phạm tội:

- 01 ví da màu đen cho Chế Quang H.

- 01 ví da màu đen cho Nguyễn Đức T.

Toàn bộ vật chứng trên hiện Cục thi hành án Dân sự TP. Đà Nẵng đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2021 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 10/6/2021 theo QĐ số 45/QĐ-VKS-P1 ngày 12/5/2021.

IV/. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

V/. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Sở tư pháp Tp Đà Nẵng
- Trại giam Hoà Sơn; Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Dương Thị Hồng Minh

